

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/DS-ST

Ngày: 20/3/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải;

2. Bà Lương Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/3 và ngày 20/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 740/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc Lâm – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh L – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Nguyễn Thứ L – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Tháp – Phòng Giao dịch Tân Hồng.

- Bị đơn: Bùi Thị Kiều T, sinh năm 1989.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Lâm Văn N, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Thứ L có mặt, anh N, chị T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện cho nguyên đơn trình bày: Chị Bùi Thị Kiều T có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19459913/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch Tân Hồng (gọi tắt là “ Ngân hàng”) vay số tiền 145.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng, ngày đến hạn cuối cùng là 22/02/2028. Lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng là 14,2%/năm, với mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân và gia đình.

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19459913/HĐTD ngày 22/02/2023 thì phương thức trả định kỳ hàng tháng gồm gốc và lãi (Có lịch trả đính kèm). Tuy nhiên, chị Bùi Thị Kiều T thực hiện thanh toán cho Ngân hàng được 12 kỳ số tiền gốc là 21.082.161đồng, lãi là 16.124.519đồng. Sau đó thì không thanh toán nữa dù Ngân hàng nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho khách hàng thanh toán.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu chị Bùi Thị Kiều T và anh Lâm Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Tháp – Phòng Giao dịch Tân Hồng số tiền là 165.617.210đồng (Trong đó: Nợ gốc là 123.917.839đồng và lãi tạm tính đến ngày 19/03/2026 là 41.699.731đồng) và tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19459913/HĐTD ngày 22/02/2023 kể từ ngày 20/3/2026 cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn Bùi Thị Kiều T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Văn N: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Căn cứ Hợp đồng tín

dụng số 01/2023/19459913/HĐTD ngày 22/02/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đ với Bùi Thị Kiều T ký kết thì chị T và anh N có vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 145.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng, ngày đến hạn cuối cùng là 22/02/2028. Lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng là 14,2%/năm, với mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân và gia đình. Nhưng trong quá trình vay chị Bùi Thị Kiều T thực hiện thanh toán cho Ngân hàng được 12 kỳ số tiền gốc là 21.082.161đồng, lãi là 16.124.519đồng. Sau đó, thì không tiếp tục thanh toán gốc lãi cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu chị Bùi Thị Kiều T và anh Lâm Văn N liên đới trả số tiền vay còn thiếu là 165.617.210đồng (Trong đó: Nợ gốc là 123.917.839đồng và lãi tạm tính đến ngày 19/03/2026 là 41.699.731đồng) và tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19459913/HĐTD ngày 22/02/2023 kể từ ngày 20/3/2026 cho đến khi thi hành án xong là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn Bùi Thị Kiều T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt chị Kiều Trinh và anh Nhẹ là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu chị Bùi Thị Kiều T và anh Lâm Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Tháp – Phòng Giao dịch Tân Hồng số tiền là 165.617.210đồng (Trong đó:

Nợ gốc là 123.917.839đồng và lãi tạm tính đến ngày 19/03/2026 là 41.699.731đồng) và tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19459913/HĐTD ngày 22/02/2023 kể từ ngày 20/3/2026 cho đến khi thi hành án xong. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định giữa Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là “Ngân hàng”) với chị Bùi Thị Kiều T có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19459913/HĐTD ngày 22/02/2023 vay số tiền 145.000.000đồng, thời hạn vay 60 tháng, ngày đến hạn cuối cùng là 22/02/2028. Lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng là 14,2%/năm, với mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân và gia đình. Nhưng trong quá trình vay chị Bùi Thị Kiều T thực hiện thanh toán cho Ngân hàng được 12 kỳ số tiền gốc là 21.082.161đồng, lãi là 16.124.519đồng. Sau đó, chị T không thanh toán nữa. Do đó, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ dù Ngân hàng có nhắc nhở và tạo điều kiện nhiều lần nhưng chị T vẫn không có thiện chí trả nợ.

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19459913/HĐTD ngày 22/02/2023 được hai bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, chị T đã được giải ngân toàn bộ số tiền được tín dụng nhưng chỉ thanh toán được 12 kỳ, sau đó không tiếp tục thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên ký kết. Khi chị T vay tiền thì mục đích vay là vay tiêu dùng cá nhân và gia đình. Ngoài ra, khi vay tiền tại giấy đề nghị vay vốn và đề xuất tín dụng thì anh Lâm Văn N có ký với tư cách là chồng người đề nghị vay tiền. Từ đó, xét thấy việc vay tiền của chị Bùi Thị Kiều T thì anh N biết và đồng tình. Do đó, căn cứ Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nhận thấy, việc Ngân hàng yêu cầu chị Bùi Thị Kiều T và anh Lâm Văn N có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn thiếu là có cơ sở.

Bên cạnh đó, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn Bùi Thị Kiều T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Văn N và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn Bùi Thị Kiều T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lâm Văn N không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh quy định:

“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Đồng thời, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định:

“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Do đó, việc chị T và anh N cũng không nộp văn bản ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án nên chị T và anh N phải chịu hậu quả cho việc không chứng minh, không phản đối yêu cầu của Ngân hàng.

Từ những phân trên hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu chị Bùi Thị Kiều T và anh Lâm Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Tháp – Phòng Giao dịch Tân Hồng số tiền là 165.617.210đồng (Trong đó: Nợ gốc là 123.917.839đồng và lãi tạm tính đến ngày 19/03/2026 là 41.699.731đồng) và tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19459913/HĐTD ngày 22/02/2023 kể từ ngày 20/3/2026 cho đến khi thi hành án xong là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 100, Điều 103, Điều 107 của Luật tổ chức tín dụng 2024 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Bùi Thị Kiều T và anh Lâm Văn N phải chịu $165.617.210\text{đồng} \times 5\% = 8.281.000\text{đồng}$ (đã làm tròn) tiền án dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ 3.709.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu số 0007921 ngày 13/11/2025 (do chị Đặng Thị Diễm T nộp thay) của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

[4] Xét thấy phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 100, Điều 103, Điều 107 và khoản 2 Điều 209 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc chị Bùi Thị Kiều T và anh Lâm Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đồng Tháp – Phòng Giao dịch Tân Hồng số tiền là 165.617.210 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm mười bảy nghìn hai trăm mười đồng) (Trong đó: Nợ gốc là 123.917.839 đồng và lãi tạm tính đến ngày 19/03/2026 là 41.699.731 đồng) và tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/19459913/HĐTD ngày 22/02/2023 kể từ ngày 20/3/2026 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Kiều T và anh Lâm Văn N phải liên đới chịu 8.281.000 đồng (đã làm tròn) (Tám triệu hai trăm tám mươi một nghìn đồng) tiền án dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ 3.709.000 đồng (Ba triệu bảy trăm lẻ chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007921 ngày 13/11/2025 (do chị Đặng Thị Diễm T nộp thay) của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 20/3/2026). Các bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12- Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 12 –Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải Lương Thị Anh Đào

Phạm Thị Mỹ Hương

